

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2019/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 18 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 ban hành “mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”; Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ- Bộ Tài chính Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 38/TTr-SKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;

2. Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;

3. Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;

4. Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

5. Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, NNTN (BD60).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 51/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12
năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định các hoạt động: Xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp; hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết thúc, quản lý, công bố, cung cấp thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả, xử lý tài sản, triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được điều chỉnh bởi Quy định này bao gồm:

- Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- Đề án khoa học cấp tỉnh;
- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh có liên quan đến các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là những vấn đề cần được khoa học và công nghệ giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

(1) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dựa trên cơ sở yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn công tác quản lý nhà nước, phát triển khoa học và công nghệ của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh;

(2) Đề án khoa học cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

(3) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với phạm vi quản lý của tỉnh nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

(4) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ phát triển sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

2. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) có nhiệm vụ tư vấn trong việc xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp; đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Thành phần Hội đồng tư vấn phù hợp với lĩnh vực hoặc nội dung chuyên ngành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính để chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các phiên họp của Hội đồng tư vấn.

3. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các tổ chức, cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố và các cơ quan nhà nước khác xem xét đặt hàng.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

5. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí tại Quy định này.

6. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí tại Quy định này.

7. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của nhiệm vụ, bao gồm: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; các báo cáo chuyên đề; phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện; phần mềm.

8. Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khai báo và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước giao toàn bộ quyền sở hữu của Nhà nước đối với kết quả nghiên cứu cho chủ thể khác theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

10. Giao một phần quyền sở hữu kết quả nghiên cứu là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sở hữu đối với một phần kết quả nghiên cứu cho một chủ thể nhất định hoặc giao quyền đồng sở hữu kết quả nghiên cứu cho các chủ thể khác nhau theo quy định của pháp luật.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
2. Chiến lược, Đề án phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm của tỉnh.
3. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Yêu cầu chung:

- Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;
- Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã và đang thực hiện;

b) Yêu cầu riêng:

- Lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây viết tắt là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ):

+ Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: Đáp ứng cao tính ứng dụng trong thực tiễn và được áp dụng ngay vào trong quá trình sản xuất thực tế. Tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở tỉnh; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

+ Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:

Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

- Các lĩnh vực khác:

Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội của tỉnh.

2. Đề án khoa học cấp tỉnh: Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

3. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

4. Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực;

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách;

d) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã và đang thực hiện;

đ) Thời gian thực hiện dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hàng năm căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ, tính cấp thiết hoặc định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố chỉ đạo xác định đề xuất đặt hàng và tổng hợp đề xuất đặt hàng trong phạm vi được giao quản lý gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN được vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tawtBsoos 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các tổ chức, cá nhân và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết ở cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, lựa chọn các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng được quy định tại Điều 3 Quy định này.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng đáp ứng yêu cầu đặt hàng tại Điều 3 quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 6. Nội dung thể hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài:

- Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong các giai đoạn sản xuất.

- Đối với đề tài khác: Các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

b) Đối với đề án khoa học: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

c) Đối với dự án: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm.

d) Đối với dự án khoa học và công nghệ: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

Điều 7. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

1. Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện và các uỷ viên. Phiên họp của hội đồng chỉ được thực hiện khi có mặt ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng uỷ quyền, các chuyên gia phản biện.

2. Thành viên Hội đồng là người có năng lực quản lý, kinh nghiệm, kiến thức và am hiểu về ngành, lĩnh vực của nhiệm vụ được xem xét.

3. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, độc lập.

4. Thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu có liên quan cho các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày trước phiên họp, chuẩn bị nội dung và điều kiện làm việc cho cuộc họp của Hội đồng tư vấn.

Điều 8. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

1. Chủ tịch hội đồng chủ trì, điều hành và kết luận các nội dung của phiên họp hội đồng.

2. Các thành viên hội đồng:

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng; nhận xét, đánh giá hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định (vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

b) Ủy viên thư ký có trách nhiệm ghi biên bản (vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

c) Các thành viên hội đồng, khách mời tham gia và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về thông tin liên quan đến quá trình đánh giá nhiệm vụ.

Điều 9. Trình tự và nội dung làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

1. Thư ký hành chính công bố Quyết định thành lập hội đồng.
2. Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền cho phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.
3. Chủ tịch Hội đồng tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.
4. Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng.
5. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng.
6. Chuyên gia phản biện và hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 10 của Quy định này.
7. Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng (vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).
- Đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu nhận xét và đánh giá được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “không đạt yêu cầu”.
8. Nguyên tắc tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng áp dụng quy định của Khoản 4, Điều 17 Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, ủy viên thư ký tổng hợp kết quả đánh giá và công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp.
9. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện”, các chuyên gia phản biện trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa

học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định tại Điều 3 của Quy định này.

10. Đối với đề tài, dự án, đề án khoa học và dự án khoa học công nghệ đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

11. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “không thực hiện” hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

12. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này trong trường hợp có 02 hoặc nhiều đề xuất đặt hàng và biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

13. Ủy viên thư ký thông qua biên bản cuộc họp.

14. Kết thúc cuộc họp, Hội đồng chuyển Hồ sơ cuộc họp gồm: Biên bản, các bài nhận xét đánh giá và phiếu đánh giá, tổng hợp phiếu đánh giá gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Nội dung thảo luận của hội đồng

1. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

- a) Tên, mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả.
- b) Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm trong đề xuất đặt hàng.
- c) Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.
- d) Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án dự án sản xuất thử nghiệm với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.
- đ) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ tỉnh cho việc thực hiện đề tài, dự án dự án sản xuất thử nghiệm.
- e) Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề án khoa học

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

- a) Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.
- b) Tính liên ngành, liên vùng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

c) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực tỉnh cho việc thực hiện đề án khoa học.

3. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định dự án khoa học và công nghệ

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá để *xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

a) Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của tỉnh.

b) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực tỉnh cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.

c) Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

Điều 11. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh

1. Sau khi có kết quả làm việc của hội đồng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét phương thức, trình tự và nội dung làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại Điều 3 của Quy định này. Trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của 02 chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (*nếu có*), Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của Sở hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của Sở để các tổ chức và cá nhân biết.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, cấp bách: Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, cấp bách hoặc nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh quyết định tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 12. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua hoạt động của Hội đồng tư vấn. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm cụ thể quy định tại Khoản 5, Điều 16 Quy định này;

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về việc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

c) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh trong thời gian 30 ngày để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được giao trực tiếp phải đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này; đồng thời, đáp ứng một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, cấp bách.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 13. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Có trình độ từ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp vận dụng Điều 5, Điều 6 của Thông tư 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 15. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ

1. Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ được vận dụng Điều 7 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 14 quy định này sẽ được xem xét đánh giá.

Điều 16. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn và tổ chức họp Hội đồng tư vấn để tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp vận dụng Điều 8 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tài liệu phục vụ phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp vận dụng Điều 9 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của Hội đồng vận dụng Điều 10 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng vận dụng Điều 11 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vận dụng Điều 12 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ..

6. Kết quả họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập được thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sau khi kết thúc phiên họp hoặc nhận được ý kiến của chuyên gia.

7. Trong trường hợp không tuyển chọn được tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục ra thông báo tuyển chọn nhưng không quá 2 lần. Sau 2 lần thông báo tuyển chọn mà không tuyển chọn được tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị không thực hiện nhiệm vụ.

Điều 17. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến của các chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 18, 19, 20 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện (nếu có) theo ý kiến của Hội đồng tư vấn hoặc ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập của tổ chức, cá nhân được trúng tuyển, giao trực tiếp, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Biên bản họp Hội đồng hoặc kết luận của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu có);

c) Dự thảo quyết định phê duyệt nội dung, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 18. Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 13, Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

Điều 19. Thẩm định kinh phí

1. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ để Sở Tài chính thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Hồ sơ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, gồm:

a) Công văn của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (bảo sao);

c) Biên bản họp Hội đồng hoặc kết luận của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu có);

d) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Tài chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương IV

HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, THU THẬP, ĐĂNG KÝ, LƯU TRỮ, CÔNG BỐ THÔNG TIN, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ, GIAO QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG, QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 20. Ký Hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và thanh lý hợp đồng.

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí, đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành ký Hợp đồng. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ theo Mẫu hợp đồng vận dụng theo quy định tại Thông tư 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”..

2. Điều chỉnh hợp đồng:

a) Nội dung không được điều chỉnh:

- Phương thức khoán khi nhiệm vụ đã và đang thực hiện;
- Tăng tổng mức kinh phí được giao khoán;
- Tên, mục tiêu và sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chỉ đến sản phẩm cuối cùng;
- Mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán từng phần.

b) Nội dung Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì và ý kiến tư vấn của hội đồng khoa học hoặc chuyên gia tư vấn độc lập:

- Điều chỉnh tăng kinh phí không được giao khoán.
- Điều chỉnh về tổ chức chủ trì, nội dung nghiên cứu.

c) Nội dung Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, điều chỉnh trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì:

- Điều chỉnh chủ nhiệm nhiệm vụ, tiến độ và thời gian thực hiện nhiệm vụ.
- Điều chỉnh các nội dung khác không thuộc Điểm b, Khoản 2 Điều này.

d) Tổ chức chủ trì được quyền điều chỉnh mục chi, nội dung chi, định mức chi, kinh phí giữa các phần công việc được giao khoán trong trường hợp cần thiết, đảm bảo trong phạm vi tổng mức kinh phí được giao khoán, phù hợp với quy định chi tiêu của các nhiệm vụ tại Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức chủ trì.

đ) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Việc gia hạn chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.
- Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Trường hợp đặc biệt vượt quá 12 tháng Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Văn bản quyết định điều chỉnh là một bộ phận của Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã ký.

3. Chấm dứt hợp đồng quá trình thực hiện nhiệm vụ đối với các trường hợp:

a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

b) Cơ quan chủ trì bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Cơ quan chủ trì không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

d) Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể tiếp tục thực hiện do:

+ Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà không có lý do chính đáng;

+ Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của cơ quan chủ trì theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt hợp đồng được vận dụng Điều 22 của Thông tư số 04/2015/TT-BKH-CN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sau khi tổ chức chủ trì đã thực hiện việc xử lý tài sản (nếu có), đăng ký lưu giữ, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 21. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nội dung kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung khoa học

- Nội dung đã hoàn thành;

- Nội dung đang triển khai;

- Sản phẩm đã được ứng dụng vào thực tế.

b) Tiến độ thực hiện

c) Tình hình sử dụng kinh phí

- Tình hình sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

- Tình hình sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức kiểm tra đánh giá 01 lần/năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

3. Trình tự kiểm tra, đánh giá

a) Đại diện đoàn kiểm tra, đánh giá nêu lý do, giới thiệu thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá; cử người ghi biên bản kiểm tra, đánh giá.

b) Đại diện Tổ chức chủ trì nhiệm vụ giới thiệu thành phần tham dự kiểm tra của đơn vị.

c) Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá chủ trì phiên họp.

d) Đại diện Lãnh đạo Tổ chức chủ trì báo cáo tóm tắt tình hình triển khai nhiệm vụ.

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ bổ sung ý kiến.

e) Các thành viên đoàn kiểm tra thảo luận, trao đổi ý kiến đối với Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ về các nội dung kiểm tra, đánh giá.

f) Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ giải trình, tiếp thu ý kiến của đoàn kiểm tra, đánh giá.

g) Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá kết luận về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí và kiến nghị đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ và ghi nhận đề xuất của Tổ chức chủ trì (nếu có).

h) Biên bản kiểm tra, đánh giá phải được các thành viên tham gia đoàn kiểm tra và Lãnh đạo Tổ chức chủ trì ký xác nhận.

i) Việc kiểm tra tài liệu, báo cáo có thể thực hiện tại Tổ chức chủ trì hoặc tại Sở Khoa học và Công nghệ.

k) Kiểm tra, đánh giá tại hiện trường: Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm đo kiểm được, đoàn kiểm tra, đánh giá có trách nhiệm đến hiện trường để kiểm tra, đánh giá cụ thể về số lượng sản phẩm của nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm tại cơ quan có chức năng chuyên môn phù hợp.

Điều 22. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Căn cứ vào đặt hàng, hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ đã ký kết; việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.

2. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

Điều 23. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ vận dụng Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ qua Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

2. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh vận dụng Điều 6 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình, gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), 08 bộ sao hồ sơ gốc và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật).

Điều 25. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được vận dụng Điều 9 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Phiên họp của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được vận dụng Điều 10 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 26. Yêu cầu đánh giá của Hội đồng

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua phiếu đánh giá có dấu của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Các thành viên Hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của mình.

3. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá.

4. Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định.

5. Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ dựa trên kết quả đánh giá của từng chuyên gia theo quy định tại Khoản 2, Điều 28, Quy định này.

Điều 27. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là: kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

Điều 28. Phương pháp đánh giá, xếp loại và xử lý kết quả đối với nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Đánh giá của thành viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi

vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2, Điều 27 quy định này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

2. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt;

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

3. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng trình chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm vụ. Đồng thời tiến hành đăng ký và lưu giữ kết quả.

4. Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 29. Thu thập, đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin; công nhận kết quả; giao quyền sở hữu, quyền sử dụng

1. Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Công nhận kết quả: Vận dụng Điều 17 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo Nghị định số 70/2018/NĐCP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác.

Điều 31. Lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai ứng dụng

1. Trong kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện phải đề xuất phương án đưa kết quả, sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

2. Trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và khả năng phát huy giá trị thực tiễn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp, các nhân có liên quan để thống nhất chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để triển khai ứng dụng rộng rãi vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp, hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác định Danh mục các nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

3. Chủ trì kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định;

4. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công bố, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

5. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Chủ trì quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 34. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 35. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại Quyết định ban hành quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

12. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 36. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết

khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

Điều 37. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xét và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ vi phạm Quy định này sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, hướng dẫn thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *l*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh